

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2020/DS-PT
Ngày 28-12-2020
V/v tranh chấp giao dịch dân sự
về hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Trung

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2020/TLPT-DS ngày 13/11/2020 về việc “tranh chấp giao dịch dân sự về hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 314/2020/QĐ-PT ngày 19/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác Kiều), sinh năm 1963; địa chỉ: Số 17/30, đường Nguyễn An N, khu phố B2, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 15A, đường Hùng V, khu phố 2, phường 2, thị xã Kiến T, tỉnh Long An; tạm trú: Số 95/10, đường Lê Hồng Phong, khu phố 5, phường Phú Lợi, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 13/5/2020).

- Bị đơn:

1. Ông Võ Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 130, đường Võ Thị S, khu phố TA, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Đặng Thị Ngọc Đ (tên gọi khác Hai R), sinh năm 1955; địa chỉ: 955A/16, khu phố B1, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Nguyễn Bá Q, sinh 1976; địa chỉ: 82B/21, khu phố N1, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

4. Bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: N1), sinh năm 1967; địa chỉ: 82B/21, khu phố N1, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Phan Văn B, sinh năm 1980; địa chỉ: 154/30, đường Lê Hồng Phong, khu phố Đ, phường T2, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1965; địa chỉ: 83B/21, khu phố N1, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phan Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M là ông Nguyễn Hữu L trình bày:

Vào năm 2017, bà Nguyễn Thị M tham gia chơi 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim L (N1) làm chủ. Trong đó cả 3 dây hụi đều có 15 người tham gia và mỗi dây có 21 phần chơi, số tiền đóng hụi mỗi dây là 20.000.000 đồng/phần/tháng, bà M tham gia 05 phần trong đó dây 01 và dây 02 mỗi dây 02 phần, dây 03 tham gia 01 phần. Theo thỏa thuận, 03 dây hụi khai cùng ngày, mỗi tháng khai 01 lần, thành viên nào bỏ lãi cao thì được hốt hụi, chủ hụi được hưởng hoa hồng là 10.000.000 đồng trên 01 dây hụi được hốt, người hốt hụi sẽ thanh toán tiền hoa hồng cho chủ hụi. Bà L vừa làm chủ hụi vừa tham gia với tư cách thành viên. Trong các dây hụi trên thì ông Võ Văn N chơi 03 dây hụi, mỗi dây 02 phần; bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai R) chơi 01 dây 01 phần; bà Nguyễn Thị Kim L chơi 02 dây, mỗi dây 01 phần; ông Phan Văn B chơi 02 dây, mỗi dây 01 phần; ông Nguyễn Bá Q chơi 01 dây 01 phần. Bà M đã đóng 03 kỳ liên tiếp với tổng số tiền: $03 \text{ kỳ} \times 05 \text{ phần}/03 \text{ dây} \times 20.000.000 \text{ đồng}/\text{dây} = 300.000.000 \text{ đồng}$, 03 dây hụi trên đã được khai 03 kỳ cụ thể:

Kỳ 1: Khai ngày 15/6/2017: Bỏ lãi 3.000.000 đồng/phần. Dây 1: Có 02 phần thành viên không đóng. Bà Nguyễn Thị Kim L (N1) hốt số tiền 306.000.000 đồng; dây 2: Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Võ Văn N hốt số tiền 323.000.000 đồng, cần trừ hụi ông N phải đóng, số tiền ông hốt thực tế là 238.000.000 đồng; dây 3: Có 02 phần thành viên không đóng. Bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai R) hốt số tiền 323.000.000 đồng.

Kỳ 2: Khai ngày 14/7/2017: Bỏ lãi 5.200.000 đồng/phần, có 02 phần thành viên không đóng cho 03 dây. Ông Võ Văn N hốt hết 03 dây, số tiền 854.000.000 đồng.

Kỳ 3: Khai ngày 18/8/2017: Bỏ lãi 4.500.000 đồng/phần. Dây 01 và dây 02: Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Phan Văn B hót 02 dây với tổng số tiền: 638.000.000 đồng. Dây 3: Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Nguyễn Bá Q hót số tiền 319.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà các bị đơn hót hội có tiền của bà M đóng vào và hưởng lãi của hội như sau: Ông N hót hội 1.092.000.000 đồng trong đó có tiền của bà M là: 140.000.000 đồng. Bà Đ (Hai R) hót hội 323.000.000 đồng, trong đó có tiền của bà M là 20.000.000 đồng. Bà L (N1): Hót hội 306.000.000 đồng, trong đó có tiền của bà M là 40.000.000 đồng. Ông B hót hội 638.000.000 đồng trong đó có tiền của bà M là 80.000.000 đồng. Ông Q hót hội 319.000.000 đồng, trong đó có tiền của bà M là 20.000.000 đồng.

Tuy nhiên sau khi hội khai được 03 kỳ, ông N, bà L (N1), bà Đ (Hai R), Ông Q và Ông B là những người đã hót hội trước không chịu đóng lại phần hội theo thỏa thuận để những thành viên khác chưa hót trong đó có bà M được quyền hót trong các kỳ tiếp theo. Bà L (N1) là chủ hội cũng không điều hành tiếp tục duy trì hoạt động 03 dây hội cũng nhưng không có thỏa thuận nào giữa các thành viên đối với chủ hội trong việc thực hiện trách nhiệm đóng hội thay cho thành viên khi các thành viên không đóng. Sau 3 kỳ khai hội, các dây hội không tiếp tục hoạt động từ tháng 9/2017 cho đến nay. Do đó việc không đóng hội của các thành viên đã hót hội đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Năm 2018, bà M có yêu cầu các bị đơn hoàn trả hội đã hót thì được hoàn trả một phần trong đó: Ông N hoàn trả 75.199.159 đồng; bà Đ (Hai R) hoàn trả 11.295.034 đồng; bà L (N1) hoàn trả 11.295.034 đồng; Ông B hoàn trả 55.386.961 đồng; Ông Q hoàn trả 11.295.034 đồng. Số tiền hội các bị đơn còn nợ bà M cụ thể: Ông N còn nợ 64.800.841 đồng; bà Đ (Hai R) còn nợ 8.704.966 đồng; Bà L (N1) còn nợ 28.704.966 đồng; Ông B còn nợ 24.613.039 đồng; Ông Q còn nợ 8.704.966 đồng. Do các bị đơn đã hót hội nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hội như thỏa thuận ban đầu đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M, sau này đã hoàn trả một phần nhưng vẫn còn nợ lại bà M tiền hội, bà M đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng các bị đơn cố tình không trả.

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, bà M yêu cầu các bị đơn phải trả tiền hội còn nợ và bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hội theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; cụ thể:

- + Buộc ông Võ Văn N hoàn trả 64.800.841 đồng nợ hội và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 17.531.526 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày), lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 82.332.367 đồng.

- + Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai R) hoàn trả 8.704.966 đồng nợ hội và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 2.355.083 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày) lãi suất 10%/năm với tổng số tiền 11.060.048 đồng.

- + Buộc bà Nguyễn Thị Kim L (N1) hoàn trả 28.704.966 đồng nợ hội và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 7.765.977 đồng (tạm tính từ

ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày), lãi suất 10%/năm với tổng số tiền 36.470.943 đồng.

+ Buộc ông Phan Văn B hoàn trả 24.613.039 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 6.658.928 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày), lãi suất 10%/năm với tổng số tiền 31.271.967 đồng.

+ Buộc ông Nguyễn Bá Q hoàn trả 8.704.966 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 2.355.083 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020, (974 ngày), lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 17.060.048 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu L đại diện bà M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hui theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Bà M chỉ yêu cầu các bị đơn trả số tiền hui còn nợ cụ thể đối với từng bị đơn như sau:

- + Buộc ông Võ Văn N hoàn trả 64.800.841 đồng tiền nợ hui.
- + Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai R) hoàn trả 8.704.966 đồng tiền nợ hui.
- + Buộc bà Nguyễn Thị Kim L (N1) hoàn trả 28.704.966 đồng tiền nợ hui.
- + Buộc ông Phan Văn B hoàn trả 24.613.039 đồng tiền nợ hui.
- + Buộc ông Nguyễn Bá Q hoàn trả 8.704.966 đồng tiền nợ hui.

Tại bản tự khai ngày 02/7/2020 các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn N trình bày: Ông Võ Văn N có quen biết do làm ăn chung với bà Nguyễn Thị Kim N, còn bà Nguyễn Thị Kim L chỉ biết là em gái của bà N. Bà Nguyễn Thị M cùng tham gia chơi hui với ông N. Khoảng tháng 4, tháng 5/2017, bà N có rủ ông N chơi hui cùng với những người bạn, trong đó có một số người mà ông N quen biết. Đến tháng 6/2017 bắt đầu chính thức chơi và khai hui. Tất cả có 03 dây hui, mỗi dây có 21 phần. Ông N tham gia 03 dây, mỗi dây 02 phần, tổng cộng 06 phần. Chủ hui là bà N với các lý do: Bà N là người trực tiếp vận động ông N và những người khác tổ chức chơi hui; thu tiền hui của các hui viên; hướng dẫn cách thức điều hành dây hui cho bà L (do bà L không biết cách thức điều hành dây hui như thế nào, bà L cũng không kêu gọi, gợi ý các anh chị em tham gia chơi hui; không nhận tiền đóng hui từ các hui viên, không nhận tiền hoa hồng từ ông N) nhằm tạo điều kiện cho bà L có thu nhập; khi ông N hót hui thì tiền hoa hồng bà N là người giữ lại. Do đó, ông N khẳng định bà N là chủ hui, còn bà L chỉ là người chứng kiến, phụ giúp cho bà N. Trong 3 dây hui trên, ông N đã hót 04 phần cụ thể: Dây 02: Khai ngày 15/6/2017, hót 01 phần (bỏ lãi 3.000.000 đồng), mỗi phần 20.000.000 đồng/hui viên, sau khi trừ lãi thì mỗi người đóng là 17.000.000 đồng, ông N hót được 323.000.000 đồng, ông N đã đóng tiền hoa hồng cho bà N là 10.000.000 đồng. Ngày 14/7/2017 khai hết 03 dây, ông N hót hết 03 phần (bỏ lãi 5.200.000 đồng), mỗi hui viên đóng là 14.800.000 đồng, ông N hót được tổng 854.000.000 đồng, ông N đóng tiền hoa hồng cho bà N 30.000.000 đồng. Số tiền hoa hồng trên bà N là người giữ, còn bà N chia cho ai thì ông không biết. Tổng cộng số tiền ông

N hót 04 phần 1.177.000.000 đồng, bà N chỉ đưa cho ông N tiền hui của kỳ đầu tiên còn các kỳ sau thì bà N không đưa lại cho ông N mà giữ lại, đồng thời ông đưa thêm cho bà N 23.000.000 đồng, tổng là 1.200.000.000 đồng để bà N mua cổ phần FPT cho ông. Số tiền này hiện nay đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương xác định là số tiền bà N lừa đảo chiếm đoạt của ông N và ông là bị hại trong vụ án hình sự đó. Từ tháng 9/2017, các dây hui trên không hoạt động nữa, do việc mua cổ phần FPT là không có thật; sau đó, bà N bị cơ quan điều tra truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu trả tiền hui, ông N xác định cả ông N và bà N cùng có trách nhiệm trả tiền cho bà Nguyễn Thị M đối với kỳ hui đầu tiên mà ông N hót, còn các kỳ sau ông N không đồng ý trả cho bà M mà trách nhiệm hoàn toàn thuộc về bà N và khi nào ông N được thi hành phân trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự đối với bà Nguyễn Thị Kim N thì ông N mới trả tiền hui lại cho bà M.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2020 các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Bá Q trình bày: Tháng 6/2017, bà Nguyễn Thị Kim N, bạn bè của bà N mua cổ phần FPT và bà N có tổ chức 03 dây hui với số tiền 20.000.000 đồng/tháng/dây/phần. Ông Q không có tiền mua cổ phần, bà N muốn giúp đỡ Ông Q có thêm thu nhập nên đã ghi tên Ông Q tham gia chơi một phần hui để mua cổ phần FPT. Bà N đã bỏ tiền ra mua cổ phần FPT cho Ông Q. Tháng 8/2017, bà N hót hui mang tên Ông Q. Từ việc chơi hui và mua cổ phần đều do bà N sắp xếp cho Ông Q, Ông Q không quen biết bà Nguyễn Thị M, không tiếp xúc, không có bất cứ thỏa thuận nào và cũng không ký nhận tiền gì từ bà M. Vì vậy, bà M yêu cầu Ông Q phải trả tiền hui, ông không đồng ý, mà trách nhiệm trả tiền hui cho bà Nguyễn Thị M là thuộc và bà Nguyễn Thị Kim N.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn B trình bày: Ông B có tham gia chơi 02 trong 03 dây hui như nguyên đơn trình bày. Ba dây hui trên là do bà Nguyễn Thị Kim N làm chủ những người chơi hui là những người tham gia mua cổ phần FPT. Sau khi phát hiện việc mua cổ phần FPT là không có thật thì bà N đã đồng ý bán tài sản của bà N để trả lại tiền cho những người mua cổ phần FPT và những người này ép những người đã hót hui trả tiền cho những người chưa hót hui. Trong số tiền mà Ông B được bà N trả thì có 01 phần bị giữ lại để chia cho những người chưa hót hui, bà N là chủ hui nên bà N phải có trách nhiệm đối với những người chơi hui, do bà N bị bắt giam nên Ông B đã có thiện chí trả 01 phần tiền hui cho những người chưa hót hui. Vì vậy, Ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu trả tiền hui còn nợ, Ông B xác định cả Ông B và bà N cùng có trách nhiệm trả cho bà M tiền hui và khi nào Ông B được thi hành phân trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự đối với bà N thì Ông B mới trả tiền hui lại cho bà M và Ông B chỉ trả tiền cho bà M theo tỷ lệ tài sản mà Ông B được chia trong bản án hình sự.

Bị đơn bà Đặng Thị Ngọc Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020 và trong quá trình tố tụng, bà Đ trình bày: Bà Nguyễn Thị M cho rằng bà Nguyễn Thị Kim L (N1) làm chủ hội là không đúng, mà mọi việc tổ chức chơi các dây hội, các hội viên đóng tiền đều do bà Nguyễn Thị Kim N (Ngọc C) đứng ra tổ chức và nhận tiền của các hội viên, bà Đ chỉ hót hội với số tiền 306.000.000 đồng chứ không phải 323.000.000 đồng như đơn khởi kiện của bà M. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ hoàn trả tiền nợ hội. Bà Đ xác định bà đã hót hội nhưng không lấy tiền mà tất cả đều đưa cho bà N để hùn vốn làm ăn (mua cổ phần của FPT), nên bà N phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền hội trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim L là em gái ruột của bà Nguyễn Thị Kim N (thường gọi là Ngọc C), mọi người thường gọi bà L là N1. Khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2017, bà N cùng với nhóm bạn trong tập thể mua cổ phần FPT có lập 03 dây hội, mỗi dây tham gia chơi là 20.000.000đồng/01 phần. Do không có điều kiện để mua cổ phần của FPT nên bà N cùng với nhóm bạn cùng đề cử bà L làm chủ hội để được hưởng tiền hoa hồng. Bà L làm chủ hội cả 03 dây hội đồng thời tham gia với tư cách người chơi hội 02 dây là dây 01 và dây 02, việc bà L làm chủ hội chỉ trên hình thức và nhận tiền hoa hồng của mỗi kỳ. Đến kỳ đóng tiền thì các hội viên đóng cho bà L nhưng ngay sau khi các hội viên đóng tiền thì bà L chuyển luôn số tiền mà các hội viên đã đóng cho hội viên hót hội của kỳ đó. Còn việc bà L tham gia chơi hội là do bà N đóng tiền và bà N cũng là người hót hội phần của bà L, số tiền bao nhiêu thì bà L cũng không biết (vì bà L không được nhận) và bà N sử dụng luôn số tiền này. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L hoàn trả tiền nợ hội, bà L khẳng định không hót hội của các hội viên mà do bà N hót phần hội của bà L nên bà N phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền hội trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2020 trình bày: Bà Nguyễn Thị M tham gia chơi 03 dây hội trong đó dây 01, dây 02 bà Mai tham gia 02 phần, còn dây 03 bà M tham gia 01 phần. Bà N tham gia chơi 03 dây trong đó dây 01, dây 02 bà N tham gia 02 phần, còn dây 03 bà N tham gia 03 phần, tổng số tiền mỗi tháng bà N đóng là 140.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim L là chủ hội 03 dây hội trên. Khi khai hội các hội viên đề cử bà N làm chủ hội nhưng bà N không đồng ý, bà N có đề cử bà L làm chủ, các hội viên cũng đồng ý và các hội viên thống nhất chỉ cho bà L mỗi tháng 10.000.000 đồng để bà L đứng ra thu tiền hội nhưng thực tế việc thu tiền hội là do một số hội viên thu về và đưa cho bà N. Sở dĩ mọi người đồng ý chỉ cho bà L mỗi tháng 10.000.000 đồng là do trước kia bà N đã từng giúp đỡ các hội viên này. Sau khi thu tiền hội thì bà N có giao tiền lại cho hội viên được hót của kỳ hội đó, nhưng sau đó thì họ lại giao tiền lại cho bà N để bà N mua cổ phần FPT, đối với 03 dây hội trên thì đã khai được 03 kỳ, những hội viên đã được hót hội gồm: Ông Võ Văn N, bà Đặng Thị Ngọc Đ, ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Bá Q. Bà N không chơi hội thay cho bà L và Ông Q mà bà N cho Ông

Q, bà L vay tiền để mua cổ phần nên bà N hốt tiền hụi của Ông Q và bà L. Nay đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu ông Võ Văn N và ông Phan Văn B trả tiền hụi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; còn với phần tiền hụi bà M yêu cầu bà Đặng Thị Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Bá Q thì bà Nguyễn Thị Kim N sẽ có trách nhiệm trả thay cho bà Đ, bà L và Ông Q vì số tiền hụi của ba người này do bà N hốt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu các bị đơn ông Võ Văn N bồi thường thiệt hại số tiền 17.531.526 đồng (mười bảy triệu, năm trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng), ông Phan Văn B bồi thường thiệt hại số tiền 6.658.928 đồng (sáu triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn chín trăm hai mươi tám đồng), bà Đặng Thị Ngọc Đ bồi thường thiệt hại số tiền 2.355.083 đồng (hai triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi tám đồng), bà Nguyễn Thị Kim L bồi thường thiệt hại số tiền 7.765.977 đồng (bảy triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng) và ông Nguyễn Bá Q bồi thường thiệt hại số tiền 2.355.083 đồng (hai triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi tám đồng) do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hụi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M với các bị đơn ông Võ Văn N, bà Đặng Thị Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Bá Q và ông Phan Văn B về việc tranh chấp hụi.

Buộc ông Võ Văn N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền hụi còn nợ là 64.800.841 đồng (sáu mươi bốn triệu, tám trăm nghìn, tám trăm bốn mươi một đồng).

Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền hụi còn nợ là 8.704.966 đồng (tám triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Buộc ông Phan Văn B phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền hụi còn nợ là 24.613.039 đồng (hai mươi bốn triệu, sáu trăm mười ba nghìn, không trăm ba mươi chín đồng).

Buộc ông Nguyễn Bá Q phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền hụi còn nợ là 8.704.966 đồng (tám triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền hụi còn nợ là 28.704.966 đồng (hai mươi tám triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 17/9/2020, bị đơn ông Phan Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi hụi của nguyên

đơn; Ông B chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền hui đã nhận. Bị đơn ông Võ Văn N có nộp đơn kháng cáo nhưng ông N không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu L và bị đơn ông Phan Văn B thỏa thuận như sau:

Ông Phan Văn B trả thêm cho bà Nguyễn Thị M số tiền hui (tính gốc) 6.613.039 đồng.

Án phí và các chi phí tố tụng: Các đương sự đề nghị Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; sự thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn: Bà Đặng Thị Ngọc Đ (tên gọi khác Hai R), ông Nguyễn Bá Q, bà Nguyễn Thị Kim L không kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm; bị đơn ông Võ Văn N nộp đơn kháng cáo nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được coi như đã từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Đặng Thị Ngọc Đ (tên gọi khác Hai R), ông Nguyễn Bá Q, ông Võ Văn N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B, thấy rằng:

Tại đơn khởi kiện và lời khai của các bên đương sự đều thể hiện: Bà Nguyễn Thị M, ông Phan Văn B và một số người khác là thành viên góp vốn trong các dây hui do bà Nguyễn Thị Kim L (hay gọi là N1) làm chủ hui, mỗi kỳ góp hui, giao tiền hui thì chủ hui được hưởng tiền hoa hồng. Do đó, nếu không có thỏa thuận khác thì bà Nguyễn Thị M (hui viên) không có quyền khởi kiện ông Phan Văn B (hui viên) để đòi tiền nợ hui khi dây hui bị chấm dứt hoạt động; trong trường hợp này trách nhiệm với các hui viên là chủ hui. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có thỏa thuận giữa bà M và Ông B hay không?. Bà M có quyền khởi kiện Ông B hay không? mà thụ lý yêu cầu khởi kiện giữa bà M và Ông B là chưa đúng bản chất của giao dịch dân sự về hui.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà M và Ông B thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; sự thỏa thuận giữa hai bên là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Tòa án ghi nhận.

[3] Án phí và các chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 147, 148, 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 65/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị M, ông Phan Văn B như sau:

Ông Phan Văn B phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền còn nợ hui (gốc) còn lại là 6.613.039 đồng (sáu triệu, sáu trăm mười ba nghìn, không trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn B phải chịu 330.651 đồng (ba trăm ba mươi nghìn, sáu trăm năm mươi một đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0048598 ngày 22/9/2020 của Chi cục T thành phố D, tỉnh Bình Dương.

5. Một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 về trách nhiệm trả tiền, án phí sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố D có liên quan đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Đặng Thị Ngọc Đ (tên gọi khác Hai R), ông Nguyễn Bá Q, ông Võ Văn N đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP D;
- TAND TP D;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa D.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Minh Đa